



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	13 - 30
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	31

---

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là "Công ty") đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét của Công ty.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đăng ký kinh doanh lần đầu số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 10 tháng 11 năm 2003. Ngày 22 tháng 04 năm 2010, Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600324084, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 29.550.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTT.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **• Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (24) 38 861 1968
- Mã số thuế : 0 6 0 0 3 2 4 0 8 4

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đầu giá;
- Sửa chữa thiết bị thiên lạc; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời như: Sân vận động bóng đá, khúc côn cầu, bóng chày, bể bơi và sân vận động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: không bao gồm kinh doanh quán bar;



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đầu giá;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng nhà để ở; nhà không để ở; công trình cấp, thoát nước; công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình công ích khác; công trình thủy; công trình khai khoáng; công trình chế biến, chế tạo; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi; Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản; bán buôn hóa chất công nghiệp; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản, phân bón nông nghiệp (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán các thiết bị máy văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in; bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng công trình đường sắt; đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

- Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa;
- Phá dỡ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống;
- Cổng thông tin; Quảng cáo; Xuất bản phần mềm;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;

#### 4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### 4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch	16/05/2020	-
Đặng Thùy Dương	Thành viên	16/05/2020	-
Nguyễn Thị Nhân	Thành viên	16/05/2020	-

##### 4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Thùy Dung	Trưởng ban	16/05/2020	-
Phạm Văn Hải	Thành viên	17/04/2021	-
Lê Thị Thu Hà	Thành viên	17/04/2021	-
Trần Thị Hoa	Thành viên	16/05/2020	17/04/2021
Phan Thị Hương	Thành viên	16/05/2020	17/04/2021

##### 4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	14/09/2020	-
Nguyễn Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc	09/03/2021	-
Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021	09/06/2021
Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	06/05/2020	-

#### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 09 đến trang 31.

### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

### 9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TM. Hội đồng Quản trị

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2021.





Số: 2315/21/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2021 (từ trang 09 đến trang 31), bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Tại Thuyết minh V.4, Phải thu về cho vay ngắn hạn với số tiền là 16.000.000.000 đồng (chiếm 54% vốn điều lệ), đây là khoản cho các cá nhân vay và không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		206.659.422.562	102.503.924.085
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	24.233.938.675	2.132.409.238
111	1. Tiền		24.233.938.675	2.132.409.238
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		103.934.372.852	95.761.591.065
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	67.079.149.881	75.312.049.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	4.235.357.400	6.649.538.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	16.000.000.000	8.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	16.619.865.571	5.000.003.184
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	71.554.022.590	4.556.518.359
141	1. Hàng tồn kho		72.152.697.218	4.556.518.359
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(598.674.628)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		6.937.088.445	53.405.423
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.666.663	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.924.421.782	53.405.423
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		6.114.353.751	6.224.543.600
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		1.114.353.751	29.900.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	1.114.353.751	29.900.781
222	- Nguyên giá		1.361.787.014	71.572.727
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(247.433.263)	(41.671.946)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.8	5.000.000.000	5.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		-	1.194.642.819
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	1.194.642.819
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		212.773.776.313	108.728.467.685

303  
C  
ICH  
ATC  
HU  
11



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		181.761.601.952	73.941.417.235
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		181.761.601.952	73.941.417.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	66.172.185.868	35.462.463.988
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		172.124.960	1.921.679.694
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	25.607.095	206.737.385
314	4. Phải trả người lao động		-	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.11	59.110.232.804	9.614.886.168
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	56.281.451.225	26.735.650.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		31.012.174.361	34.787.050.450
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.13	31.012.174.361	34.787.050.450
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.550.000.000	29.550.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.462.174.361	5.237.050.450
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.237.050.450	4.180.961.253
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(3.774.876.089)	1.056.089.197
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		212.773.776.313	108.728.467.685

Người lập biểu



TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIỀU

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.179.232.250	2.219.010.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	137.179.232.250	2.219.010.000
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	138.367.089.651	2.218.500.000
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.187.857.401)	510.000
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.044.477.919	253.669.030
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	2.079.993.973	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.316.844.157	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	482.605.956	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	1.028.156.018	484.616.279
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.734.135.429)	(230.437.249)
31	11. Thu nhập khác		218	210.000.000
32	12. Chi phí khác	VI.7	40.740.878	3.241.343
40	13. Lợi nhuận khác		(40.740.660)	206.758.657
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.774.876.089)	(23.678.592)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	-	5.469.693
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.774.876.089)	(29.148.285)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	(1.277)	(10)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(1.277)	(10)

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG



NGUYỄN ĐỨC HIẾU



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.774.876.089)	(23.678.592)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		984.814.484	14.618.382
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	VI.10	110.189.849	14.618.382
	- Các khoản dự phòng	V.6	598.674.628	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.040.894.150)	-
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	1.316.844.157	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.790.061.605)	(9.060.210)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.897.651.025)	(1.071.853.979)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(67.596.178.859)	27.528.100
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		78.459.105.076	411.909.059
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.277.547.624	(1.231.219.946)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.4	(1.316.844.157)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(184.721.584)	(47.859.535)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		951.195.470	(1.920.556.511)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.290.214.287)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.000.000.000)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24.800.000.000	11.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		94.747.029	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.395.467.258)	(4.000.000.000)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.12	84.867.218.500	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.12	(55.321.417.275)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.545.801.225	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		22.101.529.437	(5.920.556.511)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	2.132.409.238	6.061.350.398
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	24.233.938.675	140.793.887

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN THU GIANG

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2021  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi là "Công ty").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty chủ yếu kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động trồng và khai thác cao su có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Trong kỳ, Công ty tập trung đẩy mạnh kinh doanh thương mại hạt nhựa, bột nhựa nguyên sinh. Giá mua và giá bán của hạt nhựa và bột nhựa nguyên sinh chịu ảnh hưởng bởi giá ICIS CFR S.E.A. Thời điểm đầu quý 2 giá nhựa tăng cao, Công ty nhập số lượng lớn để bán cho các tháng sau, tuy nhiên do diễn biến không thuận lợi của thị trường, giá nhựa lại giảm vào cuối quý 2 làm doanh thu sụt giảm dẫn đến lãi gộp kinh doanh trong kỳ bị lỗ.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 15 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021).

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có năm hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÀU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6,8
Máy móc và thiết bị	06 – 10

#### 7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### *Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng..
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

#### **13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	11.094.615.171	1.135.223.470
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.662.987.756	997.185.768
- Tiền đang chuyển (*)	3.476.335.748	-
<b>Cộng</b>	<b>24.233.938.675</b>	<b>2.132.409.238</b>

(\*) Là khoản tiền đang chuyển tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà để thanh toán tiền hàng bằng L/C Upas cho Công ty Cổ phần Nhà và Thương Mại Dầu Khí (xem thuyết minh số V.12).

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chủ yếu là nợ phải thu bán hạt nhựa nguyên sinh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>41.909.429.381</b>	<b>68.517.429.381</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	20.600.724.381	45.108.724.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	21.308.705.000	23.408.705.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>25.169.720.500</b>	<b>6.794.620.500</b>
- Công ty Cổ phần Tân Hưng	6.920.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Phúc	6.300.620.500	6.794.620.500
- Các khách hàng khác	11.949.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>67.079.149.881</b>	<b>75.312.049.881</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>4.144.288.000</b>	<b>4.144.288.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc (*)	4.144.288.000	4.144.288.000
<b>Trả trước cho khách hàng khác</b>	<b>91.069.400</b>	<b>2.505.250.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.235.357.400</b>	<b>6.649.538.000</b>

(\*) Là khoản tiền cọc trả trước cho Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc theo Hợp đồng kinh tế số 88/2020/HĐKT/KTT-VP ngày 30/03/2020. Theo thỏa thuận, Công ty mua lô hàng hạt nhựa PET B284 với giá trị 15.624.840.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), thời hạn giao hàng là 180 ngày kể từ thời điểm hợp đồng được ký kết. Tuy nhiên đã quá thời hạn nhưng Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc vẫn chưa giao hàng. Tại ngày 30/6/2021, hai bên đã cùng ký Biên bản hủy hợp đồng, thống nhất và quyết định hủy bỏ Hợp đồng nói trên. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc có trách nhiệm hoàn trả tiền cọc cho Công ty trong vòng 02 tháng kể từ ngày ký Biên bản hủy hợp đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu về cho vay các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu về cho vay các khách hàng khác</i>	<b>16.000.000.000</b>	<b>8.800.000.000</b>
- Nguyễn Tất Thành <sup>(1)</sup>	3.000.000.000	-
- Vũ Đình Chúc <sup>(2)</sup>	2.500.000.000	-
- Đặng Thị Hải Sơn <sup>(3)</sup>	2.500.000.000	-
- Vũ Trí Thắng <sup>(4)</sup>	2.500.000.000	-
- Đào Ngọc Nam <sup>(5)</sup>	2.000.000.000	-
- Tạ Như Bắc <sup>(6)</sup>	2.000.000.000	-
- Tạ Như Cương <sup>(7)</sup>	1.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	8.800.000.000
<b>Cộng<sup>(*)</sup></b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>8.800.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Hợp đồng cho vay số 107/HĐVV ngày 08/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(2)</sup> Hợp đồng cho vay số 108/HĐVV ngày 15/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(3)</sup> Hợp đồng cho vay số 110/HĐVV ngày 15/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(4)</sup> Hợp đồng cho vay số 111/HĐVV ngày 19/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(5)</sup> Hợp đồng cho vay số 109/HĐVV ngày 15/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(6)</sup> Hợp đồng cho vay số 112/HĐVV ngày 21/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(7)</sup> Hợp đồng cho vay số 113/HĐVV ngày 21/5/2021, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.<sup>(\*)</sup> Tất cả các hợp đồng cho vay đều không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	<b>10.000.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc <sup>(1)</sup>	10.000.000.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<b>6.619.865.571</b>	<b>5.000.003.184</b>
- Tạm ứng <sup>(2)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000
- Khác	1.619.865.571	3.184
<b>Cộng</b>	<b>16.619.865.571</b>	<b>5.000.003.184</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản tiền hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 68/2021/HĐHTKD/KTT-VB ngày 18/2/2021 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc (Bên A) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (Bên B):

- Mục tiêu: cùng hợp tác, điều hành, quản lý và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh buôn bán hạt nhựa và vật liệu xây dựng;
- Thời hạn hợp đồng: 2 năm, bắt đầu từ ngày 20/2/2021 đến ngày 20/2/2023. Hết thời hạn hợp đồng, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn thêm thời hạn của hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết hợp đồng mới tùy vào điều kiện kinh doanh của hai bên;
- Góp vốn:
- + Bên A đóng góp bằng tiền cho các khoản chi phí xây dựng và toàn bộ chi phí tổ chức vận hành và khai thác lợi ích từ hoạt động hợp tác kinh doanh. Trong mọi người hợp, tỷ lệ góp vốn của Bên A trong hoạt động hợp tác kinh doanh là 60% tương đương với số tiền 15.000.000.000 đồng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

- + Bên B đóng góp bằng tiền tương đương với số tiền là 10.000.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ góp vốn của bên B trong hoạt động hợp tác kinh doanh là 40%;
- Phân chia kết quả kinh doanh:
- + Thời điểm chia lợi nhuận: Ngày cuối cùng của năm tài chính;
- + Bên B được hưởng 40% trên lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước;
- + Trường hợp hoạt động kinh doanh phát sinh lỗ: Hai bên phải cùng nhau thỏa thuận giải quyết, trường hợp không thỏa thuận được sẽ thực hiện theo việc đóng góp như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này để bù đắp chi phí và tiếp tục hoạt động kinh doanh.

(2) Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyễn Hương Trang	2.500.000.000	-
- Trần Thu Giang	2.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Hàng hóa (*)	72.152.697.218	(598.674.628)	4.556.518.359	-
<b>Cộng</b>	<b>72.152.697.218</b>	<b>(598.674.628)</b>	<b>4.556.518.359</b>	<b>-</b>

(\*) Hàng hóa là hạt nhựa và đang gửi tại kho của người bán.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	71.572.727	71.572.727
- Tăng trong kỳ	1.290.214.287	-	1.290.214.287
- Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.290.214.287</b>	<b>71.572.727</b>	<b>1.361.787.014</b>
<b>Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</b>	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	41.671.946	41.671.946
- Khấu hao trong kỳ	95.571.468	14.618.381	110.189.849
- Tăng khác	95.571.468	-	95.571.468
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>191.142.936</b>	<b>56.290.327</b>	<b>247.433.263</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	29.900.781	29.900.781
<b>Số cuối kỳ (*)</b>	<b>1.099.071.351</b>	<b>15.282.400</b>	<b>1.114.353.751</b>

(\*) Trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**8. Đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản mua 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/trái phiếu. Ngày phát hành là 24/12/2020, kỳ hạn 07 năm và đáo hạn vào ngày 24/12/2027. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ: lãi suất 5 năm đầu tiên bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,3%/năm; năm thứ 6 và năm thứ 7 bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,5%/năm. Trái phiếu này Công ty dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.12).

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán đối tượng khác</i>	66.172.185.868	35.462.463.988
- Tổng Công ty Hóa Chất và Dịch Vụ Dầu Khí - CTCP - CNDV Hóa Chất Dầu Khí	29.469.106.700	22.786.253.600
- CN phân phối nguyên liệu CN Dầu khí – Công ty CP TM DV Dầu khí Miền Trung	15.019.300.000	-
- Công ty TNHH SX TM và XNK Tâm Anh	9.801.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	11.882.779.168	12.676.210.388
<b>Cộng</b>	<b>66.172.185.868</b>	<b>35.462.463.988</b>

Số dư nợ quá hạn tại ngày 30/06/2021: 0 đồng.

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	-	45.575.302	(45.575.302)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	203.182.617	-	-	(184.721.584)	18.461.033	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	19.743.670	(19.743.670)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.554.768	-	22.591.294	(19.000.000)	7.146.062	-
- Phí, lệ phí, phạt chậm nộp thuế	-	-	30.734.230	(30.734.230)	-	-
- Các khoản thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>206.737.385</b>	<b>-</b>	<b>121.644.496</b>	<b>(302.774.786)</b>	<b>25.607.095</b>	<b>-</b>

**10a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**10b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.774.876.089)	(23.678.592)
Các khoản điều chỉnh tăng:	398.671.936	51.027.056
+ Chi phí không được trừ	398.671.936	51.027.056
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(3.376.204.153)	27.348.464
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	-	5.469.693
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
<b>Tổng số thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>5.469.693</b>

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn khác đối tượng khác	59.110.232.804	9.614.886.168
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (*)	59.095.098.724	9.614.886.168
- Bảo hiểm xã hội	15.134.080	-
<b>Cộng</b>	<b>59.110.232.804</b>	<b>9.614.886.168</b>

(\*) Là khoản phải trả Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà về các khoản thanh toán bằng L/C Upas cho các nhà cung cấp sau:

- Công ty Cổ phần Nhà và Thương Mại Dầu Khí: theo Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất 2021 số 01/HĐMB-2021/PVBLD-KTT ngày 11/01/2021, số tiền đã thanh toán đến 30/06/2021 là 44.288.889.724 đồng;

- Công ty Cổ phần Nhựa Opec: theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán sản phẩm Polypropylene số 01/2021/OPEC-KTT ngày 02/01/2021, số tiền đã thanh toán đến 30/06/2021 là 14.806.209.000 đồng.

Tài sản đảm bảo:

- Do bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng tổng giá trị 8.790.000.000 đồng, gồm: Nhà ở riêng, diện tích 284,00m<sup>2</sup> và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 122, diện tích 60m<sup>2</sup> tại địa chỉ B10, tập thể Viện Công Nghệ Laser, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (xem thuyết minh VII.3).

- Do ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh bằng các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 26.005.200.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh VII.3).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	56.281.451.225	56.281.451.225	26.735.650.000	26.735.650.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Tây Đô <sup>(1)</sup>	49.162.951.225	49.162.951.225	21.167.000.000	21.167.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN Thái Hà <sup>(2)</sup>	6.418.500.000	6.418.500.000	5.568.650.000	5.568.650.000
- Trần Thị Ngà <sup>(3)</sup>	700.000.000	700.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.281.451.225</b>	<b>56.281.451.225</b>	<b>26.735.650.000</b>	<b>26.735.650.000</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202000765 ngày 29/10/2020 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung số 1462-LAV-202000765-03 ngày 22/4/2021:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh 2020 – 2021;
- Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm.
- Tài sản đảm bảo:
  - + 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tổng giá trị là 5.000.000.000 đồng (xem thuyết minh V.8);
  - + Do ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh bằng Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 8.400.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh VII.3);
  - + Do bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng thừa đất số 117, tờ bản đồ số 74, diện tích 100,9m<sup>2</sup> tại địa chỉ Tổ dân phố An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (xem thuyết minh VII.3);
  - + Do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland, tên cũ là Công ty TNHH Premier Central (có Bà Nguyễn Thị Nhung là thành viên góp vốn) bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: BT-01 Trung tâm Thương mại và nhà ở Xây lắp điện I, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (xem thuyết minh VII.3).

<sup>(2)</sup> Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Thái Hà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2021/1446074/HĐTD ngày 09/04/2021 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung số 03/2021/1446074/PLHĐTD ngày 14/05/2021:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- Lãi suất cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

- Tài sản đảm bảo: Do bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng tổng giá trị 8.790.000.000 đồng (xem thuyết minh VII.3), gồm:

- + Nhà ở riêng, diện tích 284,00m<sup>2</sup>;

- + Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 122, diện tích 60m<sup>2</sup> tại địa chỉ B10, tập thể Viện Công Nghệ Laser, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

<sup>(3)</sup> Là khoản vay của Bà Trần Thị Ngà theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 0904/HĐVV ngày 09/04/2021, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 03 tháng, lãi suất: 0%/năm, vay tín chấp;
- Hợp đồng vay vốn số 1504/HĐVV ngày 15/04/2021, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 03 tháng, lãi suất: 0%/năm, vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay ngắn hạn ngân hàng	26.735.650.000	83.167.218.500	(54.321.417.275)	55.581.451.225
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	1.700.000.000	(1.000.000.000)	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.735.650.000</b>	<b>84.867.218.500</b>	<b>(55.321.417.275)</b>	<b>56.281.451.225</b>

**13. Vốn chủ sở hữu****13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**13b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Nguyễn Tiến Sỹ	3.212.000.000	10,87	-	-
- Ông Phạm Văn Quân	2.050.000.000	6,94	-	-
- Các cổ đông khác	24.288.000.000	82,19	29.550.000.000	100,00
<b>Cộng</b>	<b>29.550.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>29.550.000.000</b>	<b>100,00</b>

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 30/06/2021.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	29.550.000.000	29.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>29.550.000.000</b>	<b>29.550.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**13d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.550.000.000	29.550.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, khác	137.179.232.250	2.219.010.000
- Doanh thu xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>137.179.232.250</b>	<b>2.219.010.000</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm, khác	137.768.415.023	2.218.500.000
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	598.674.628	-
- Giá vốn xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>138.367.089.651</b>	<b>2.218.500.000</b>

**3. Doanh thu tài chính**

Chủ yếu là lãi cho vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí lãi vay	1.316.844.157	-
- Chi phí phát hành thư bảo lãnh	581.194.973	-
- Các chi phí khác	181.954.843	-
<b>Cộng</b>	<b>2.079.993.973</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí cho nhân viên	144.208.682	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.429.093	-
- Các chi phí khác	1.968.181	-
<b>Cộng</b>	<b>482.605.956</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí cho nhân viên	565.481.065	215.348.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.189.849	14.618.382
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.143.784	179.494.341
- Các chi phí khác	310.341.320	75.155.556
<b>Cộng</b>	<b>1.028.156.018</b>	<b>484.616.279</b>

**7. Chi phí khác**

Chủ yếu là phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.774.876.089)	(29.148.285)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.774.876.089)	(29.148.285)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b>(1.277)</b>	<b>(10)</b>

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.774.876.089)	(29.148.285)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.774.876.089)	(29.148.285)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b>(1.277)</b>	<b>(10)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT***161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	709.689.747	215.348.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.189.849	14.618.382
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.572.877	179.494.341
- Các chi phí khác	312.309.501	75.155.556
<b>Cộng</b>	<b>1.510.761.974</b>	<b>484.616.279</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập Báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

<u>STT</u>	<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1.	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Bà Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc
3.	Bà Nguyễn Thị Nhân	Thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/06/2021)
5.	Bà Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng
6.	Bà Nguyễn Thị Nhung	Người có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Nhân
7.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
8.	Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
9.	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Công ty có Giám đốc có liên quan đến thành viên chủ chốt
10.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland (tên cũ là Công ty TNHH Premier Central).	Công ty có thành viên góp vốn có liên quan đến thành viên chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Bà Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	45.500.000	-
- Bà Nguyễn Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc	28.500.000	-
- Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/06/2021)	116.342.021	-
- Bà Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	28.175.899	5.538.000
- Ông Vũ Hoài Vũ	Nguyên Tổng Giám đốc	-	24.807.615
- Ông Hoàng Ngọc Lâm	Nguyên Tổng Giám đốc	-	14.269.231
- Ông Nguyễn Đức Hiếu	Nguyên Tổng Giám đốc	-	13.846.154
- Bà Nguyễn Thị Thêm	Nguyên Kế toán trưởng	-	31.083.077
<b>Cộng</b>		<b>218.517.921</b>	<b>89.544.077</b>

Trong kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

- Ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty):
- + Cầm cố các sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 26.005.200.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà để đảm bảo cho Công ty mở L/C Upas tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh số V.11);
- + Cầm cố sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 8.400.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.12).
- Bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty):
- + Thế chấp nhà ở riêng và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 122 tại địa chỉ B10, tập thể Viện Công Nghệ Laser, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho Công ty mở L/C Upas tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà Đô (xem thuyết minh số V.11) và để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh số V.12);
- + Thế chấp thửa đất số 117, tờ bản đồ số 74, diện tích 100,9m<sup>2</sup> tại địa chỉ Tổ dân phố An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.12).

**Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác****Giao dịch với các bên liên quan khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	2.219.010.000
- Thu tiền bán hàng hóa	24.508.000.000	-
- Thanh toán tiền hàng	-	2.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình</b>		
- Thu tiền bán hàng hóa	2.100.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt</b>		
- Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	-

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland, tên cũ là Công ty TNHH Premier Central (có Bà Nguyễn Thị Nhung là thành viên góp vốn) đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: BT-01 Trung tâm Thương mại và nhà ở Xây lắp điện 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.12).

**Số dư với các bên liên quan khác**

Số dư với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.5.

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh bán thành phẩm, hàng hóa, khác.

**- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRẦN THU GIANG

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN ĐỨC HIẾU



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Phụ lục 01

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	I	2	3=2+1
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020			
Tại ngày 01/01/2020	29.550.000.000	4.180.961.253	33.730.961.253
Tăng trong kỳ	-	(29.148.285)	(29.148.285)
- Lãi trong kỳ	-	(29.148.285)	(29.148.285)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	29.550.000.000	4.151.812.968	33.701.812.968
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021			
Tại ngày 01/01/2021	29.550.000.000	5.237.050.450	34.787.050.450
Tăng trong kỳ	-	(3.774.876.089)	(3.774.876.089)
- Lãi trong kỳ	-	(3.774.876.089)	(3.774.876.089)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	29.550.000.000	1.462.174.361	31.012.174.361

Người lập biểu

*[Signature]*

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

*[Signature]*

PHẠM THỊ HUỲNH TRANG

Hà Nội ngày 15 tháng 8 năm 2021



Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ



